

# PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

## QUYỂN 2

(Phần Hạ)

Tiếp, liệt kê “Tạp chúng”: Xưa nói: Phàm các chúng như Bát, Long phần nhiều là Bát địa Bồ-tát cho đến trong Hoa Nghiêm đều đặc bất tư nghi giải thoát. “Trong đó có đạo”: như vua A-xà-thế dẫn theo đầu riêng chỉ thế tục. Ngũ đạo: Không có địa ngục, tức thừa giới đều (chậm) hoãn. Nhị giới: Không có Vô sắc, tức giới gấp thừa chậm. Tám phen: Dục thiên, Sắc thiên, Long, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, A-tu-la, Ca-lâu-la, nhân, đầy đủ như dưới nêu. Kinh Phương Đẳng liệt kê cả địa ngục: Đầy đủ như trong Thích Tiêm quyển thứ tư nói, tức giới chậm thừa gấp. “Trung ấm hoa vô sắc”: trong kinh Trung Ấm quyển thượng phẩm Phân Thân, Định Hóa Vương Bồ-tát bạch Phật rằng: Xin chóng nói nghĩa đây chúng sinh hiểu rõ nghe pháp dễ ngộ. Lại có người khó ngộ, hoặc có đối hoặc không đối, hoặc có thể thấy, không thể thấy, trước có đối có thể thấy, không thể thấy. Có thể thấy có đối, như trước. Không thể thấy có đối, như xú mao quỷ đến ngửi mùi hôi. Không thể thấy không đối, tức các quỷ thần. Hoặc ở hữu sắc hoặc ở vô sắc, hoặc ở phi hữu tướng phi vô tướng. Hữu sắc tức hai cõi Dục và Sắc. “Vô sắc” tức ba cõi Không xứ dưới. Tuy lại khó hóa nhưng Phật hoặc đến kia, hoặc nhiếp đến đây. Kinh này không có hoặc lược... cho nên nói không thể theo một ước lệ. Lại căn cứ theo thừa giới, luận đầy đủ nhỏ nhiệm như trong số Tịnh Danh nói. Xưa nói: “Người là chủ ở đất”, là chỉ chúng A-xà vương trong tám chúng, nay cũng không dùng, cho nên dẫn kinh Vô Lượng Nghĩa để phá. Lẽ nào có quỷ thần... ắt phải khách bên ngoài ư? Nói “Chưa tường tận” là tuy theo kinh Vô Lượng Nghĩa nhưng người không hẳn ở sau, hoặc sợ có ý. “Quỷ thần lại xuất hiện” tức Khẩn-na-la, Càn-thát-bà, A-tu-la. “Căn cơ lẫn lộn”: cũng nên nói các căn cơ không đồng, Tích cùng Thể lẫn lộn, Thiên và Viên lẫn lộn v.v... Đây là căn cứ Giáo mà giải Thích: Nhị thừa tức hai giáo Nhị thừa, Bồ-tát tức tam giáo Bồ tát, tam giáo đều có xuất giả trí. Phật đạo đã nói:



Nhất nhiếp hết thủy, chỉ đắc Viên ấy. Nhị thừa, Bồ-tát đều là từ đầu. Phật đạo tức là từ ban đầu Viên, không từ tiệm mà đến. “Tam thập tam thiên và tam Quang tứ thiên vương”, luận Câu-xá nói:

“Chúng của Đại vương theo thứ lớp ở bốn cấp cho nên trú nơi bảy ngọn núi còn lại, trên đỉnh núi Diệu cao cao tám vạn do tuần có Tam thập tam thiên, ở bốn góc có bốn ngọn núi, Kim cang trú ở đầu, cung ở giữa gọi là Thiện Hiện, chu vi vạn do tuần bên ngoài bốn cung điện trang nghiêm các xe thô tạp thích ý. Nếu tác tứ Tất-đàn: thì trú xứ được gọi là Thế giới, năng thí là Vị nhân, tư duy nghĩa là Đối trị, thiên chủ là Đệ nhất nghĩa. “Căn cứ giáo”: A-hàm chứng Tam tạng, Bát-nhã chứng Thông. Kinh Hoa Nghiêm nói Đắc-thích ở địa thứ hai, cho nên biết hai giáo đều nói “đắc Thủ-lăng-nghiêm định”. “Quá hiền kiếp...”, đầy đủ như trong kinh Bát-nhã. Trong câu “thành Phật, hiệu là Vô Trước Thế Tôn vân vân” thì “vân vân” tức là được thọ ký nghĩa đương tam giáo Bồ tát. Trong phần Giải thích theo Bản tích, nói “cùng uống cam lộ” là Đại Kinh quyển sáu, phẩm Tứ Y nói: “Như tam thập tam thiên có thuốc (được) cam lộ bất tử, ví như Sơ trụ trở lên”, lý đồng.

“Danh Nguyệt v.v...”: Bản tích đều rút ra từ Chánh Pháp Hoa, Bản ất có giáo. “Quán giải” ý: tam đế tức đệ nhất nghĩa thiên, đế tức là cảnh, cảnh sinh trí, “trí như con vân vân” thì “vân vân” là: Cảnh biệt, trí biệt sinh con không đồng. Ở bốn núi báu: chỉ núi Tu-di. Chánh Pháp Niệm nói: bốn cấp đều có thập trụ xứ, đầy đủ như Huyền Văn. “Rộng hai mươi bốn vạn dặm”: chưa biết chỗ xuất xứ. Nếu Câu-xá y giữa lưng chừng núi Diệu-cao mà trụ thì có bốn cấp. Tụng nói: Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn lượng, hưởng lên mỗi mỗi đều giảm phân nửa. “Đông Đê-đầu...”: Tên ở kinh Kim Quang Minh quyển hai, phẩm Tứ Thiên Vương: Bấy giờ Đê-đầu-lại-tra thiên vương, Tỳ-lưu-lặc-xoa thiên vương, Tỳ-lưu-bác-xoa thiên vương, Tỳ-sa-môn thiên vương bắt đầu từ phương Đông đến cuối là phương Bắc; Phẩm Quĩ Thần thứ ba liệt kê có hai mươi tám bộ. “Không khiến...” là Tích phòng tứ thọ, tứ thọ đã tiêu biểu tứ đức, dùng Tích tiêu biểu Bản, bản giữ gìn tứ đức song thọ. Tuy lại tứ khô tứ vinh, nhưng lý chẳng phải khô vinh, cũng không bỏ thường, lạc, ngã, tịnh. Cho nên giữ gìn bát thọ là giữ gìn tứ đức. Giữ gìn tứ đức có hai nghĩa: 1) Không cho phép thiên thủ, thiên thủ thì thành tà. 2) Không cho phép toàn thủ, toàn thủ thì thành chấp. Phải biết lý kia chẳng khô vinh. Nay nói “cành lá”: lấy trong một đức đều đầy đủ bốn đức, nếu thiên chấp một danh, thì không biết đầy đủ đức, gọi là “chấp cành lá...” cho nên trong giáo của ngoại đạo đều có danh kia. Vì vậy

nên văn nói “cành gốc” dụ cho “thường...”, chính là hiển bày một đức đều đủ bốn đức.

“Hộ tám ái kiến”: Mỗi một đế đều có một ái kiến, bốn loại Tứ đế đều tùy giáo kia trừ ái kiến, cho nên bốn vua đều thống lãnh, không khiến nào người như đều hộ kiến ái, không khiến chấp cảnh. Nếu theo sau nói “vương”, tức Vương Tam-muội. Giáo chủ của đương giáo, cũng có thể đều là vương, đều phá ái kiến. Trong câu “Tha hóa ngũ dục vân vân” thì “vân vân” là: nên nêu đủ thân lượng thọ mạng của Dục thiên. Luận Câu-xá nói: chiều cao của người ở Nam Thiểm-bộ châu là ba khủy rưỡi đến bốn khủy tay, người ở Đông Tây Bắc châu gấp bội tăng theo thứ lớp, ở Dục thiên là Câu-lô-xá bốn phần nhất nhất đều tăng, ở Sắc thiên là do tuần sơ tứ tăng mỗi phân nửa, trên đây nói tăng gấp bội, chỉ có ở cõi Vô-vân thiên giảm ba. Năm mươi năm của Nhân gian thì bằng một đêm ngày của các cõi Trời dưới, nương đây thọ lượng năm trăm trở lên tăng gấp năm lần. Sắc giới không có ngày đêm sai khác, kiếp số... thân lượng. Vô sắc, ban đầu hai vạn, sau sau tăng gấp hai. Trời trên dưới Thiếu Quang đại toàn bán làm kiếp. Nếu luận cao thấp thì nơi mỗi một cõi trời như lượng trở xuống thì trở lên cũng vậy. Biệt dịch A-hàm quyển sáu, rộng nêu các Phạm đến... quyển tám và mười một rộng nêu chư thiên tán thán Phật, chư thiên nếu đến thì đều đồng hình người. Quyển bốn nói: Phạm vương đến lễ Phật. Đức Phật nhập hỏa quang Tam-muội, ông không thể thấy được, cho nên ông đi đến cửa Cù-gia-ly mà kêu. Cù-gia-ly hỏi: Ai gọi ? Đáp: Phạm vương. Lại hỏi: Đức Phật thọ ký ông đắc A-na-hàm ư! Đáp: Đúng vậy. Lại hỏi: A-na-hàm gọi là Bất Lai, ông vì sao lại đến? Phạm vương nói: Người như vậy không nên cùng nói chuyện. Cho nên biết đều đồng nhân pháp, lại có việc trái lòng mà răn dạy Già-ly. Theo lệ có giáo môn... Đã vì một đời thỉnh chủ chuyển pháp luân, thỉnh đại thì đại, thỉnh tiểu thì tiểu.

“Bản Tích”: Bản trụ thanh tịnh diệu cảnh nhất thật, quán trừ hoặc uest đều được gọi là “tịnh”. Lại, trong văn giải thích chư thiên thì chỉ có Đế-thích là đầy đủ bốn giải thích. Tam Quang tứ vương Tự-tại v.v... Sắc thiên, dù có “theo nhân duyên” nhưng đều thiếu “căn cứ giáo”. Chư thiên thường theo Thế Tôn mọi nơi nghe pháp, cũng nên tùy các giáo vị để phân biệt sâu cạn và khai hiển... Như dẫn Thân-tử được thọ ký là để lưu truyền, chỉ việc hoằng giáo nêu một ít theo lệ mà thôi. Trong phần giải thích “Bát long” phần nhiều như vậy, chỉ “Khẩn-na-la” có giáo bởi vì nghĩa tiện thôi! Trong phần giải thích “Hòa-tu-kiết long vương” có câu “phân biệt vô lượng pháp môn vân vân”, thì “vân vân”

là: từ “Nhiều đầu” nên lại dùng Giả quán làm đầu, tức là Nhất giả nhất thiết giả. Nếu thông thuyết thì: Nhất không nhất thiết không, Nhất trung nhất thiết trung, cũng là “Nhiều đầu”. “Kinh Trường A-hàm...” kinh kia nêu đầy đủ: ao xuất ra bốn sông như Sớ. “A” là không, “Nậu-đạt” là hoạn, “không có ba hoạn” kia. Bản trụ Pháp Hoa Tam-muội, thật đạo sở chứng hết thấy đều gọi là Pháp Hoa Tam-muội. Nay lại dùng hoa để giải thích hoa đó thôi!

“Tứ Khẩn-na-la”: Tạp Tâm nói: là thuộc loài súc sinh. Khẩn-na-la một sừng, Càn-thát-bà không có sừng, thân tướng lược đồng. Nay nói “tấu tứ giáo”: Đã trải qua năm vị đều có Khẩn-na-la... Phải biết sở tấu cũng Thiên Viên Biệt, đến kinh này riêng hiển thật đế. Trong kinh Đại Thọ Khẩn-na-la nói: Đại Thọ Khẩn-na-la vương cùng vô lượng Khẩn-na-la và vô lượng Càn-thát-bà vô lượng chư thiên, tấu lên tám vạn bốn ngàn thứ âm nhạc thanh tịnh vi diệu khi đến chỗ Phật. Huyền ca một khi khởi động thì âm thanh chấn động khắp đại thiên, Tu-di Sơn vương vọt ẩn cúi ngửa, tất cả Thanh văn đều từ tòa đứng dậy cũng như múa giỡn. Thiên-quan Bồ-tát hỏi Ca-diếp rằng: Thiếu dục tri túc Đầu-đà đệ nhất hôm nay thì ra lại là cũng như trẻ con? Ca-diếp đáp: Chẳng phải bản tâm. Cho nên biết kinh kia thuộc Phương Đẳng bộ, dùng Đại để bài xích Tiểu. Khẩn-na-la tấu nhạc Biệt giáo Viên giáo, cho nên khiến Thanh văn không thể tự an. Cho nên đến Pháp Hoa thì lý hợp thuận diệu.

“Mười núi báu”: Hoa Nghiêm nêu đủ, như trong Chỉ Quán quyển năm nói. Như trong Câu-xá trước nêu bảy núi và Diệu-cao là tám. Lại nói núi Tô-mê-lô ở giữa, tiếp là Du-kiền-đạt-la, ở ngoài Đại Châu... có núi Thiết-luân quanh, trước bảy lớp núi vàng thành Tô-mê-lô bốn báu và núi Tuyết hương hợp thành mười núi. Đã nói là chư thiên tấu nhạc trời, cũng là các cơ duyên không đồng. “Ca vịnh Thập lực”: Đã nói không khởi Diệt định tức Sở trụ trở lên, cho nên trong tích đàn sáo cũng nên ca bốn giáo, đều có thập lực. Nếu trong kinh Đại Thọ nói ở nam Hương sơn thỉnh Phật cúng dường, đức Phật nhân sự cúng dường rồi thọ ký cho kia làm Phật, hiệu là Công Đức Vương, lý ứng với pháp thân thọ ký. Nếu tại Sơ trụ thì tám tướng thọ ký cũng ở trong tích. Kinh này dẫn dắt chúng không sánh bằng số nhiều trong kinh Đại Thọ, bởi vì nghe thật kinh thì không dễ. Lại, kinh này nêu tám Long vương, Khẩn-na-la Càn-thát-bà đều có bốn, là có ý tiêu biểu. “Tám” nghĩ tám chánh, các giáo đều có tám chánh. Khẩn-na-la đã có bốn giáo, đại ý có thể biết, ngoài ra tục ưa dùng tục để nêu chân. Bốn Càn-thát-bà thì đối giáo tùy nghĩa giải thích nêu. Tràng nghĩa là duyên tràng tức các tre gỗ, đảo: là

trịch đảo ném nghiêng ngửa. “Bốn vị A-tu-la”, cũng nói “Vô thiên” là không có thiên đức, Phật Địa luận nói thuộc về loài trời. Chánh Pháp Niệm nói là loài quỷ, súc sinh. Đại quyền thị hiện đến, duyên đâu có định. Theo các kinh A-hàm thì bốn vị Tu-la thứ lớp trụ dưới đáy biển đều cách nhau hai vạn do tuần. Nói “thuộc loài súc sinh, loài trời v.v...”, là đều căn cứ nguồn gốc tổ tiên. “Ngũ hệ trói buộc ma ngoại đạo”: đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển năm nói.

“Ngũ trụ”: Nơi khác giải thích đó chỉ là giới nội Kiến Tư, nếu vậy thì cùng Tứ trụ đâu có gì sai khác. Tha nói: Tam giới kiến là kiến nhất xứ trụ địa, Dục tư là dục ái, Sắc tư là sắc ái, Vô sắc tư là vô sắc ái. Tam giới vô minh là vô minh trụ địa, nhưng y trong năm tánh tông thì lấy kiến nghi vô minh... chũng tử làm vô minh trụ địa, nay ý không như vậy. Ngũ trụ làm tác nhân của hai loại sinh tử tức dùng tam giới Thông hoặc làm tứ trụ, lại thêm Biệt hoặc làm trụ thứ năm. Cho nên, trong Biệt hoặc tổng bao hàm nội ngoại vô tri và do vô minh trong chướng. Đối với Duy Thức... chỉ thêm chũng tử là sai khác. “Chánh Bản” là Chánh Pháp Hoa. “Thủy tinh nhập thân”: Hoặc là hữu tình hoặc là phi tình. Nếu là phi tình thì nghĩa đồng thấp sinh và kiêm cả thai tạng, như kinh A-hàm nói có người nữ hưởng vào trong lửa, hơi ấm nhập thân liền có thai. Người cha nghi trách mắng con, cho đến vua biết việc ấy liền bắt tội. Người nữ ấy nói: Vì sao nhà vua vô đạo, bắt người vô tội? Xin vua hãy xét lại. Vua biết người này vô tội liền nạp làm phi, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển bốn nói. “Sắc tâm Bản tịnh”: đối Tích xấu xí, Bản trụ sắc tịnh cho nên Bát-nhã tịnh, Bát-nhã tịnh tức tâm tịnh. Đây nói “chướng trì” tức năng chướng trì. Thế gian nói thường trì, là không có bằng cứ.

“Nhật thực”: Nếu hoàn toàn không theo thế tục có chấp, thì như lịch số cũng có thể dự tính biết là thế nào. Do khí thế gian pháp như vậy, cùng với người âm dương lý hợp, cho nên trong thân người ngũ hành cùng thiên địa số hợp. Cho nên pháp thiếu đủ cần phải lịch số, há ngăn ngại chánh nghiệp ư? Nói “các thứ tà thuyết”: nhật nguyệt chiếu tứ thiên hạ, tứ thiên hạ cũng là âm dương không đồng, không thể đủ thiếu, thì khiến hết thảy vua... tận đều suy yếu ư! Nước hạn tai biến cũng lại như vậy. Cho nên, biết: tuy một phần cùng lý âm dương hợp và một phần phải y nghiệp lực chúng sinh, phạm cội y báo đều thuận chánh báo, như cội Hoa-tạng ắt thuận báo thân Phật và các Bồ-tát, y báo chánh báo tự tại, phương tiện cũng như vậy. “Sợ nhật nguyệt thời...”: Đại kinh quyển mười một nói: Khi La-hầu muốn ăn mặt trăng (nguyệt), Nguyệt thiên tử sợ hãi chạy nhanh đến mách Phật mà nói kệ rằng: “Phật Thế Tôn

đại trí tinh tấn, con nay qui mạng cúi đầu lễ, La-hầu-la làm nã loạn con, xin Phật thương xót đến cứu con”. Đức Phật vì La-hầu mà nói kệ rằng: “Nguyệt năng chiếu sáng và trong mát, ngọn đèn sáng lớn giữa hư không, sắc kia trắng trong muôn ánh sáng, ông chớ có nuốt, mau buông ra!”. Lúc ấy Bà-trĩ thấy La-hầu (mồ hôi chảy) nhả mặt trắng ra. Bà-trĩ nói kệ: “La-hầu người cố sao run sợ, cũng như bệnh sợ tâm bất an”. La-hầu đáp: Ta nếu không nhả trắng (nguyệt), thì đầu bể làm bảy phần, cho dù được sống cũng không an ổn vì vậy nên ta nhả trắng ra. “Do xưa làm Bà-la-môn...”: như Câu-xá nói: Dục thiên Câu-lô-xá bốn phần mỗi mỗi tăng, đến đệ lục thiên chỉ một Câu-lô-xá rưỡi. Đã nói thân dài tám vạn bốn ngàn do-tuần còn có thể được ở nơi Sắc thiên thứ nhất, do Sắc-cửu-cánh thiên thọ một vạn sáu ngàn kiếp, thân dài một vạn sáu ngàn du-thiện-na, ứng biến thì hóa thân có thể dài tám vạn bốn ngàn. “Ưu chiến đấu...”: Đây là bốn vị Tu-la cùng Đế-thích chiến đấu, thứ lớp bày trận đầy đủ như nay nêu. Trường A-hàm kinh số mười tám nói ở Nam Châu có núi Kim Cang trong đó có cung Tu-la, cai quản sáu ngàn do tuần. “Lan thuần hàng thọ (lan can hàng cây)...”: Như thế một ngày đêm ba thời chịu khổ, các khổ cụ tự đến nhập vào trong cung. “Thuộc tứ ác thú” đúng là có lý do. Biệt dịch A-hàm quyển ba, rộng nêu Tu-la cùng Đế-thích chiến đấu, cần phải kiểm xét lại. Nếu căn cứ giáo thì cũng có thể tùy danh lập nghĩa như sau: “Ngũ hệ”: Sơ giáo Bồ-tát đầy đủ ngũ trụ; Tiếp, “Quảng kiên”: Thông giáo tam thừa thông quán hơi rộng. Tiếp, “Tịnh tâm”: Biệt giáo Bồ-tát mới biết chân tịnh. Tiếp, nói “Chương trì”: Viên giáo Bồ-tát chướng hoặc trừ lý. “Bản quán vân vân”: là lược không tiện luận, cũng có thể nói: “Bản trụ Đệ nhất nghĩa thiên, Tích thì thị hiện vô thiên. Năng quán tức Không, cho nên không có tam giới nhân thiên. Tức Giả, cho nên không có Phương-tiện-độ nghĩa thiên. Tức Trung, cho nên không có Thật-báo-độ nghĩa thiên. Nhất tâm tam quán thường trú tịch quang nhân thiên phi nhân thiên”. “Bốn vị Ca-lâu-la vương”, nói “trú xứ có cung điện...”: Trường A-hàm kinh số mười tám nói: Phía Bắc đại hải có cây đại thọ tên là Cửa-la-thiểm-ma-la, chu vi bảy do tuần, cao một trăm do tuần, cành lá năm mươi do tuần, phía Đông cây có cung của rồng noãn sinh, lại có cung của kim sí điều noãn sinh. Nam thai sinh, Tây thấp sinh, Bắc hóa sinh, mỗi phương đều có cung của rồng và điều, đều có bảy lớp hàng cây, các chim đồng hòa kêu. Khi chim bắt rồng thì cánh quạt tát nước biển, chim noãn sinh thì cánh mở rộng hai trăm do tuần, thai sinh thì bốn trăm, thấp sinh thì tám trăm, hóa sinh thì một ngàn sáu trăm. Thai noãn thấp hóa



thứ lớp như vậy, ăn nuốt một, hai, ba, bốn loài rồng. Như vậy trú xứ ác đạo muốn sánh với thế giới Tây phương an lạc, cho nên biết phước dễ mà giới khó, giới dễ mà thừa khó, do không đến. Lại như A-hàm nói: Hương sơn có voi tên là Thiện Trụ thường trú nơi gốc cây, có sáu ngà trên ngà có ao... cùng voi của Phổ Hiền tướng mạo gần như đồng. Một cây một voi số kia tám ngàn. Thiện Trụ là vua, ngoài ra đều là quyến thuộc, hoặc cầm dù quạt bình mức nước, hoặc hát xướng kỹ nhạc, hoặc vì vua tẩy rửa... các loài, kia cũng như ác đạo. “Kim-cang-sơn”: Nam châu đây. “Sắp thiêu Bảo sơn”: lửa muốn đến thiêu đốt các Kim sơn. Nếu căn cứ giáo, thì: Sơ giáo, nói lũ chúng thù thắng, vì vượt qua các ngoại đạo. Tiếp, nói “Đại thân”: là bắt đầu Đại thừa, tiếp là Đại mãn, vì xuất giả tức. Như ý: Như lý mãn...

Tiếp, “Liệt kê chúng nhân”: “Vi-đề-hy”: Cũng gọi là Tự Thắng. Nói “Vị sinh oán”: Lúc ở trong mẹ đã thường có ác tâm với Bình-sa-vương, chưa sinh đã ác nên nhân đó đặt tên. “Vô chỉ”: khi mới sinh đã có điềm xấu, nên vua cha sai đem lên lầu ném xuống mà vẫn không chết chỉ tổn hại một ngón tay “chỉ”, cho nên lấy đó đặt tên. “Tám pháp”: Hoặc là tám tà hoặc là tám gió hoặc là tám đảo. Kinh Phổ Siêu, phẩm Quyết Nghi thứ ba nói: Đức Phật nhân vì A-xà Vương phá chấp cố định về tội giết vua cha, rộng nói ba đời ba tâm không thể được, khiến trụ pháp giới, Xà vương nghe rồi thì đắc Nhẫn nhu thuận. “Khi thuyết Pháp Hoa”: Căn cứ đắc nhu thuận ở trước thời Pháp Hoa, tại thời Pháp Hoa thì làm chúng thanh tịnh, đến thời Niết-bàn thì thân sinh ghê lở mới phát tâm sám hối và đắc Sơ quả, cho nên biết đó là dẫn nghịch tội. Đây chính là hoàn toàn dùng Đại Quyền mà giải thích, cho nên dẫn Ca-diếp làm lệ. Nếu theo thực hành thì: Ở hội Pháp Hoa tuy nói thanh tịnh, nhưng chưa thấy thâm hoạch lợi ích. Căn cứ theo lý, nên nói chướng chưa trừ, cơ chưa động. Đến thời Niết-bàn thì chướng muốn trừ cơ đã động, cho nên nghe Phật thọ ký thì lãnh giải hoan hỷ. Tiếp nói kệ tán Phật, cho nên phẩm thứ mười bảy nói: “Phụ vương vô tội, rộng thêm nghịch tội”, cho đến “Tâm sinh hối nhiệt biến thân thể sinh ghê lở”. “Ở đời không có lương y trị thân tâm”, là không tin lục thần lục sư, tuân theo lời dạy của gia huynh Kỳ-bà, nghe Phật thuyết pháp, được thọ ký, phát nguyện. Phải biết hai nơi đều là tích, ở nơi bản địa có thuận nghịch gì.

Lại có Bà-la-môn tên là “Bất Hại”, do giết vô lượng các chúng sinh cho nên tên là Ương-quật, do gặp Phật mà phát tâm Bồ-đề. Lại ở Ba-la-nại có con của trưởng giả tên A-dật-đa giết cha hại mẹ giết A-



la-hán thiêu đốt tăng phòng, sau muốn xuất gia, các Tỳ-kheo không độ liền tự phát Bồ-đề tâm đều là theo lệ. “Giải thích theo Quán tâm”: hại mẹ tham ái... như Chỉ Quán nêu dẫn kinh Lăng-già. Nói “hành nơi phi đạo...”: nghịch tức là thuận, phi đạo tức là đạo. Lại, đạo lấy thông đạt làm nghĩa, lý sở giác năng thông quán trí, từ nhân đến quả cho nên gọi là đạo, cho đến cứu giới tâm đều gọi là phi đạo, huống gì nghịch tâm ư?

Có người hỏi: Pháp Hoa nhất thừa cú đầu dơ tay đều thành Phật đạo, đâu được Xà vương trọng tội không dứt? Đáp: Chỉ cần y hưởng căn cơ động chướng trừ bốn câu... Phân biệt thời thuận thực trước sau, hóa duyên tùy cơ, không cần đây hỏi. Tiếp, hỏi: Có thể biết? Trong đáp tuy dẫn vô lượng nghĩa căn cứ theo lý lại nên dẫn Phân biệt công đức. Vì bốn thiên hạ cho đến đại thiên trần số đắc đạo, trong đó sao không có loại chúng nhân ư? Cho nên biết chỉ là lược. Một câu khai làm bốn câu đến như số Tịnh Danh, kia dùng bảy nghĩa giải thích bốn câu: 1. Nêu Thừa, Giới gặp Phật không đồng. 2. Tín pháp, hai hạnh không đồng. 3. Đại thừa Tiểu thừa sai biệt. 4. Căn tánh tiệm đốn. 5. Ứng Tích. 6. Quán tâm. 7. Hóa tha. Nghĩa đầu, nói Thừa Giới: Có Thừa thì gặp Phật, không Thừa thì không đến. “Tín pháp”: Tọa thiền nghe học giảng thuyết đều được gặp Phật chỉ tùy tu tập Đại, tiểu mà thôi!. “Tiệm đốn”: Đại thừa Tiểu thừa đều có tiệm đốn. “Ứng Tích”: Đã đắc hai mươi lăm Tam-muội ứng với hai mươi lăm cõi. Dẫn thực hành: Đến chỗ Phật. Quán tâm: Chỉ tùy quán hạnh để phán định thấy Phật. Hóa tha: Thấy cùng không thấy đều căn cứ lợi tha. Đại quyền hiện tích lược như văn nay. “Nếu đạt ý này...” dùng bốn câu đây thì có thể nhận rõ tự tha thời xứ gặp Phật, đắc đạo rất nhanh. Các kinh theo lệ chúng nhiều ít có không, để nghiệm thân mình đương lai sinh xứ như dấu ấn không sai. Xét tâm tự trách nơi kinh Tựa, đâu không thẹn lòng nơi Chánh tông?

Tiếp, “giải thích Biệt tựa”. “Biệt tựa”: là đối với Thông tựa mà đặt tên. Lại, căn cứ đương giáo đối nhau mà nói. Phật và đệ tử, trước sau của kinh, hai văn có thể biết. Nếu theo di chúc tối hậu của Như Lai, thì thông tựa chỉ là thông, biệt tựa chỉ biệt. Nếu Như Lai xuất thế cho đến kinh này, đối xưa mà biện rõ thì Biệt tựa đây ý biệt mà bao gồm thông, thông trình bày xưa cho nên chỉ tại kinh này, Thông tựa văn thông mà ý biệt, biệt tại nay nên các kinh thông như vậy. Nếu thẳng căn cứ xưa mà luận thông biệt thì Thông tựa văn thông và nghĩa thông, vì bộ bao hàm các giáo; cũng có nghĩa thông mà ý biệt, vì biệt tại các vị. Biệt Tựa văn biệt và nghĩa biệt không liên quan đến các bộ khác. Như

cầm bát hợp với dù, sự tại đương kinh cũng có nghĩa biệt mà ý thông, vì thông các giáo. Lại, cũng có thể Thông tựa, văn thông mà nghĩa biệt, vì tùy bộ đối giáo nhiều ít biệt. Biệt tựa, văn biệt mà nghĩa thông, vì thông trình bày giáo ở trong bộ có nhiều ít, vì muốn thông khắp thông biệt cho nên như vậy. Hai tựa đối nhau danh kia tự phân. Trong kinh này nói “thông trình bày xưa”: là thuyết pháp thì quan trọng là trình bày ý xuất sinh, phóng quang thì tiệm đốn đều chiếu, chỉ có hoa địa chuyên tiêu biểu kinh điển này thì mật ý chưa tuyên bày rõ. Nhập định, thì nghĩa bao gồm khai hợp. Chúng vui thì đẹp lòng, cảm động khác xưa, căn cứ xưa khác nay. Nghi niệm chính là hai duyên quá khứ và hiện tại, do dự chánh đáng. Đáp hỏi thì rộng trình bày ba đồng thông thấu một đời, ý kinh đã xa thì Tựa cũng khác thường. Vì vậy nên các kinh khác thì trực tiếp phát khởi như thế.

“Nhĩ thời”: là thời muốn hiện sáu điềm lành. Người xưa nói: “là thời chúng tập”, thì không lĩnh hội được ý của lời nói. Phạm nói “Nhĩ thời”, đều chỉ cuối việc trước, bắt đầu việc sau. Đây chỉ trước là hiện sáu điềm lành. Muốn nói kinh Vô Lượng Nghĩa, thời ban đầu chúng vây quanh. Nếu nói thời chúng tập, thì không thể nói khi chúng tập chúng vây quanh, như đầu phẩm Phương Tiện, tức là chỉ khi Văn-thù đáp vấn xong. Không thể nói là lúc Phật từ Tam-muội ra. Từ Tam-muội ra như nói: “sau lúc ấy, lúc ấy bèn v.v...”, đều là sau “Nhĩ thời”. Nếu tập chúng xong thì có thể nói “Lúc ấy bèn nói kinh Vô Lượng Nghĩa”. Cho nên, biết: Biệt luận tức là thời muốn nói kinh Vô Lượng Nghĩa. Thông luận thì có thể chỉ thời đức Phật chưa ra định. Ban đầu thì “bốn chúng vây quanh”, cho đến “mưa hoa, động đất”, cho nên nói “khi ấy trời mưa...”. Sở dĩ lập lại nói “lúc ấy trời mưa”, là vì biệt chỉ thời nhập định sau. Đây tuy việc nhỏ theo lệ kia thật nhiều, việc trở lại không thể khinh thường nên khiến khắp biết. “Phiên phúc”: là kết nghịch thuận nêu ở trước. Từ trước hướng theo sau gọi là thuận, ngược trở lại hướng trước gọi là nghịch. Nói “sinh khởi”: Từ trước hướng sau, thì trước sinh mà sau khởi, từ sau hướng trước, thì sau sinh mà trước khởi. Tức đáp sinh do nơi vấn khởi, cũng có thể nói đáp khởi do nơi sinh. Cho đến “tập chúng” cũng như vậy. Tuy chấp nhận sự thuận nghịch kia mà ý chê sự kia không có tôn chỉ, cho nên nói “chưa hiển bày”. Tôn chỉ kia như thế nào? Nghĩa là tiêu biểu “Tứ nhất”. Nhất kinh hiển bày không ngoài bốn, đây cũng dùng nghĩa Quang Trạch mà phá Quang Trạch. Nếu y Kinh gia này thì nên tiêu biểu Thập nhất. “Chỉ là một cách giải thích theo Nhân duyên...” “Trực thị nhân duyên...”: là khiển trách để hiểu văn. Thuận nghịch chỉ

đắc một ý Thế giới Tất đàn trong nhân duyên, ba thứ còn lại hoàn toàn không có, cho nên, nói “còn tự không rõ”. “Huống chi hai ba bốn”, tứ là ba cách giải thích theo Giáo, theo Bản tích và theo Quán tâm “Nay nêu rõ...” là trong tứ Tất-đàn chỉ đối Tứ nhất, tiêu biểu Tứ nhất đương đồng, cho nên biết Nhất, thì kinh gia từ đầu đến cuối đắc ý chỉ. “Nhân (người) nhất” là Thế giới Tất-đàn, vì nhiều người hòa hợp đến nay đồng. “Lý nhất” là Đệ nhất nghĩa, vì danh đây rất thuận sáu điềm lành, nhất nhất đều tiêu biểu Trung đạo “Hạnh nhất” là Vị nhân, tu hạnh đến nay là vì lợi lạc cho chúng sinh, gây nghi khởi niệm khiến các hạnh thành. “Giáo nhất” là Đối trị, do đáp vấn nên trừ nghi, giáo hưng khởi, vấn đáp tức là giáo trừ nghi. Đây lại một phen luận đại ý kia. “Tập chúng...” đều đầy đủ Tứ nhất, có nêu rõ điều này thì mới có thể sinh khởi, nghịch thuận có nguyên do. Nếu không như vậy, thì vì sao kinh Đại thừa không tập chúng, phóng quang, mưa hoa, động đất? Chỉ vì không sinh nghi Đại thừa, thỉnh đáp không hẳn là diệu đức, đáp vấn không dẫn ba thứ đồng. Nay tuy chưa chánh nói, chỉ nhân nghi thỉnh vấn đáp sau mới biết, mà trước khiến điềm lành mưa hoa động đất tức đã nói định khác thường, trước nói định chúng không đơn độc nhóm tập, tuy từng nghe kinh Vô Lượng Nghĩa nhưng đã định không tán, là biết hưởng nghe chưa vội, cho nên biết sau mưa hoa động đất từ định ra mà nói thì không thể xem nhẹ. Có trước sau là vì căn cứ cái ở giữa, nên mưa hoa động đất cũng khác, do đó nghe pháp là tiêu biểu người (Nhân) nhất thừa. Người do hiện điềm lành tiêu biểu Lý nhất thừa, vì hiển lý đây sinh nghi vấn đáp, Giáo Hạnh đây tại Nhân Lý rõ ràng. Lại, do trong điềm lành nói khai kinh là tiêu biểu hợp giáo, nhập hợp định là tiêu biểu Hạnh Trung đạo, phóng hào quang từ giữa chặn mây là tiêu biểu Lý Trung đạo. Mưa hoa thích hợp là tiêu biểu Vị trung đạo. Động đất thích hợp là tiêu biểu trừ hoặc Trung đạo tổng thành Nhân nhất, đúng là có lý do. Cho nên, “Thiên” tiêu biểu Đệ nhất nghĩa thiên, “địa” tiêu biểu địa thật tướng. Tuy đều có biểu hiện điềm lành mà thời chúng chẳng thể lường được, cho nên dù nghe khai kinh mà vẫn còn chẳng biết là khai bản tiêu biểu hợp, huống chi lại có thể biết lý quyết định ư! Cho nên đợi Văn-thù dẫn việc xưa thì mới biết là hóa đạo không sai khác. Thế nên phải biết: sinh nghi là bản để lập hạnh, bởi vì nghi mà được giải quyết thì hạnh xứng hợp dẫn đồng giáo xưa, bèn biết Phật nay mới nói Giáo nhất và khiến thời hội thành Nhân (người) nhất thừa. Như vậy mới có thể là kinh này do Tiệm hiển bày thật đầu tiên mới xảy ra. Nếu không như vậy, thì uổng nói giải thích Tựa nêu ý Pháp Hoa mà cho đến cuối cùng tự mình cũng chưa rõ.

Như đây, cũng là giải thích theo nhân duyên.

Trong phần “Căn cứ giáo” nên nêu rõ thiết lập khai, phế, hợp, thì mới hiển bày những gì được tiêu biểu trong phần Tựa. Nói “Không phải Tam Tạng...”: tức lại căn cứ phế quyền cho nên đều nói “không phải”. Trước phế sau khai lý số như vậy, cho nên lịch giáo chọn ba còn chưa gọi là một. Nếu khai hiển rồi, thì đều là kinh vương. Lại, khai rồi thì chỉ là Viên, cho nên nói “không phải”. Cho nên, trước biện rõ năng khai mà không luận tạng... Năm vị bốn vị nghĩa cũng như vậy. Như đây giải thích vẫn thuộc Tích môn. Từ “Căn cứ Bản Tích” trở xuống: là tiêu biểu Bản môn, phải đến thọ lượng cũng có thể tiêu biểu trước, cho nên biết Tựa đây hiển thì tiêu biểu Tích bốn, mật thì tiêu biểu Bản bốn. Đã thành từ lâu không vượt qua bốn thứ này. Lâu và gần tuy khác, mà lý Tứ nhất thì bình đẳng... “Quán tâm có thể giải v.v...”: Do đều tiêu biểu một lý quán để nêu rõ, nhưng phải lược biết để chỉ bày nói như vậy. Nhất tâm tam đế là Lý nhất. Nhất tâm tam quán là Hạnh nhất. Tác quán như thế, là Nhân nhất. Năng thuyên quán cảnh là Giáo nhất. Lại, thường quán tam đức năng sở đều có bốn, là lý Pháp thân, giáo Bát-nhã, hạnh Giải thoát, hòa hợp ba pháp thành tạm gọi là Nhân, tức quán hạnh Như Lai.

Căn cứ lục tức vị, mỗi vị Tứ nhất. Trong mỗi một niệm, niệm niệm Tứ nhất. Nhất sắc nhất hương đều là Tứ nhất. Quán hạnh như đây là chân thật Pháp Hoa Tam-muội. Tâm cảnh xen lẫn phát khởi tức nhân duyên quán Tứ nhất. Chẳng đồng tam giáo, tức căn cứ giáo quán Tứ nhất. Từ lâu xa đã đặc, tức Bản địa quán Tứ nhất. Đây chỉ hướng đến phá bỏ kiến giải của ngài Quang Trạch, để lập Tứ nhất. Tổng giải thích năm chương đã xong.

Tiếp, “Chúng tập...” là chánh biệt giải thích. Trong phần đầu “giải thích oai nghi”: trước dẫn luận. Luận văn có bốn thành tựu: 1. Nhiều quanh. 2. Trước sau. 3. Cúng dường. 4. Tôn trọng tán thán. Kinh văn thiếu “trước sau”, lẽ ra phải nói “nhiều quanh trước sau”. Thiệp Công nói: “Tuy là luận văn mà không thuận kinh nghĩa”. Thiệp Công còn nghi người dịch, nhưng nay người dịch phần nhiều y luận văn, chỉ một, hai chỗ không hoàn toàn dụng. Luận dùng bốn giải thích ba, không cần đây bài xích như thế, như tư duy năm câu dùng tám câu giải thích, năm câu tán thán đức La-hán, thì dùng mười lăm câu giải thích. Như giải thích điều “khó giải khó nhập thêm khó ngộ...” cho nên thêm không có lỗi, từng tìm sơ kia ba quyển, hai quyển đến đáng sợ vì nhiều, cho nên đây ngưng. Trong bốn oai nghi thì giản lược ba oai nghi còn lại, muốn có sở văn khác với phi thời trụ, cho nên nói “như pháp”, cần gì phải đợi

kinh này mới nói “như pháp”. Nếu thông luận, thì đương bộ đương cơ nhiều quanh hay trụ, thấy đều “như pháp”. Trong phần chánh giải thích thì trước bài xích xưa chỉ nói bốn chúng: Tỳ-kheo v.v... Có chỗ nói bốn chúng là: Thiên long v.v... hoặc bốn chúng là: Phạm ma v.v... Người Đại tiểu, tuy xưa có liệt ra đây nhưng không phân biệt phàm Thánh, thuận nghịch, quyền thật, nói nín. Nay xưa vi tế biên chép chung riêng, kiêm riêng, thiết lập khai Bản tích đều không có chỉ qui. Nay liệt bày bốn là biến khắp các thứ bốn ấy, thâm nhiếp hưởng mười cặp, phàm Thánh cho đến bản tích không lạm dụng. Lại Thiệp Công nói: “Tông Thiên Thai lập chúng ảnh hưởng v.v..., có nghĩa không có văn, chưa thể dựa vào tin”. Nếu nói “có nghĩa không có văn thì không dựa vào tin” như vậy, thì nếu “có văn không có nghĩa, thì có thể dựa vào” ư? Nay nói: “có văn có nghĩa” thì người tầm thường dùng, “không văn có nghĩa” thì người trí dùng, “có văn không nghĩa” thì người ngu dùng, “không văn không nghĩa” thì kẻ mê dùng. Cho nên kinh nói: “Y nghĩa không y lời”, tức ý đây. Cho nên, “ngoại, Tiểu thừa quyền, tích” đối với “nội, Đại thừa, thật, bản”, đều có danh không nghĩa. Đức Phật chê trách Ca-diếp: Ông xưa chỉ nghe danh Niết-bàn mà chưa nghe nghĩa kia. Pháp sư tự lập: Thanh văn Bồ-tát là hai Thánh chúng; long thần, người chủ là hai phàm chúng. Nay hỏi: Bốn chúng này lại có mặt trong bốn chúng của Thiên Thai không? Nếu kia không, thì liên quan gì đến Pháp Hoa? Còn chẳng phải người đương cơ được lợi ích, hưởng chi chúng phát khởi..., không có thì chưa phải. Nếu kia có, thì là “có văn có nghĩa”, sao gọi là không có văn? Cho nên, kinh này liệt kê chúng ắt đủ bốn chúng đây tức văn kia. Nghĩa ắt có bốn chúng phát khởi v.v..., tức nghĩa kia. “Có văn có nghĩa” rất đáng nương tựa. Cái mà Pháp sư lập thì không nghĩa có văn, mà lại còn trách đây, hưởng chi lại bốn nghĩa vẫn tại khắp các kinh. Tại đây nên nói: Phát khởi, Bản Tích, Căn cứ giáo, Nhân duyên. Bốn theo thứ tự này tức căn cơ tuy có thể phát ắt nhờ bậc đi trước dẫn dắt, dẫn dắt căn cơ đã phát tức ảnh hưởng giúp đỡ. Ba lợi ích hoàn toàn không có chúng kết duyên. Nếu nói không văn, thì Văn-thù Di-lặc lẽ nào chẳng phải phát khởi? Ba vòng thâm hoạch thọ ký, lẽ nào chẳng phải đương cơ! Trừ chúng phát khởi ra, các đại Bồ-tát lẽ nào chẳng phải ảnh hưởng! Trừ chúng đương cơ ra, như những người đứng dậy đi lẽ nào chẳng phải chúng kết duyên! Hưởng chi trong tạp chúng tuy không kích động cũng năng dẫn đạo, gọi chung là phát khởi. Tuy chẳng trấn nghiêm cũng năng phụ tá gọi chung là ảnh hưởng. Kinh Tịnh Danh nói: “Mà sinh trong năm đường để hiện tự mình, và dẫn bốn chúng”, nghĩa đã đủ.

Trong phần “giải thích chúng phát khởi” có pháp, dụ, hợp. Pháp: trước nói rõ đức bên trong, “kích dương...” là dụng bên ngoài. Ứng vật thi thiết nên gọi là “quyền”. Thuận thích nghi chế lập, nên gọi là “mưu”, có quyền thì có mưu, nên gọi là “quyền mưu”. Thật trí bên trong dung thông, không mưu mà thích đáng, nên gọi là “trí giám”. Giám xét thiện xưa kia đáng sinh đáng thành, cho nên gọi là “biết căn cơ”. Phù hợp cơ hội không lẫn lộn, cho nên gọi “biết thời”. Nói “kích dương” là nghĩa đương phát khởi, dùng để giải thích danh, vì phát căn cơ khiến khởi, cho nên nói “phát khởi”. Đầu văn là giải thích “phát”, “thành biện rõ ...” là giải thích “khởi”. Cũng có thể bốn chữ trước: “Kích dương phát động”, là chánh giải thích. Bốn chữ kế tiếp: “thành biện lợi ích”, là công năng. “Động” cũng là “khởi”. Lại phân tách rõ ràng: khiến khai nên gọi là “phát”; nhân kích dương, mở đầu mà động nên gọi là “khởi”, nghĩa bao gồm năng sở thông đến tự tha. Lại, “kích” đại bi bình đẳng, “phát” thời chúng nhất thiện “dương” (nêu cao) đại tuệ bất nhị, “động” theo ba nghiệp lợi ích. Lại, “kích” nhân đại hội xưa, “phát” lợi ích vi diệu của đương cơ, “dương” cao đại giáo của Như Lai, “động” cái cố chấp của thời chúng. Lại xin Phật đại bi nên gọi là “kích”, hỏi bày Thánh chỉ nên gọi là “dương”, khiến nghe điều chưa nghe nên gọi là “phát động”, khiến người nghe đắc quả nên gọi là thành tựu xong, theo ắt thấu hoạch ngộ nên gọi lợi ích. Tiếp, nêu Dụ: Đại quyền tượng vương ngồi dưới gốc cây pháp thân đến khi dậy đất chấn động, diễn xướng nhất thừa thật đầy đủ cơ duyên diệu hạnh. Tiếp, “Cái gọi là...” là trong Hợp nói phát khởi năm Tựa bao hàm lợi ích căn cơ chúng sinh, cho nên biết nhóm tập ắt không riêng chỉ đại quyền làm mệnh lệnh. Do nhóm tập nên hiện điềm lành. “Cho đến vấn đáp phát khởi vân vân”, thì “vân vân” là chỉ Chánh thuyết, ý Tựa đã rõ, chánh thuyết hiện bắt đầu. Cho nên, trong Tựa phát khởi vốn hy vọng Chánh tông, nghiệm biết Tựa này chưa thông nơi Bản. Tuy đứng đầu kinh Bản do biệt, mà hai chỗ phát khởi đều nơi A-dật-đa. Nhưng Tích sự thì chẳng xa, có thể nương Văn-thù. Bản lâu khó quyết đoán suy lường nên chỉ nương Phật.

“Giải thích chúng đương cơ”: cũng có Pháp, Thí, Hợp. Pháp: Do có phát khởi, đương cơ có thể thành. “Đương” là “đáng” (đọc khứ thanh), nghĩa là hợp, là thích đáng. “Túc”: là đã qua, xưa. “Thực” là chủng, nghĩa là gieo trồng. “đức” là các thiện. Là gốc của các thiện, nên nói “đức bản”. Do thiện có bản, nên được thành “cơ”. Đại quyền tác dụng lợi Thánh ích phạm. Như Lai có Tam đạt (tức Tam minh) cho nên nói xứng với chủng xưa. Lúc mới thành đạo thì hộ trì cho chúng ấy hết khổ.



Đến thời Phương Đăng Bát-nhã, thì lo nghĩ cho cơ ấy sinh. Đến kinh này thì trước lược sau rộng. Ba chu dung nạp, dự định thâm nhiếp tất cả cho đến Bản môn thì địa vị đăng Vô cấu, không mảy may sai lầm, xứng hợp với nhân xưa đó, Trung ngã có thể phát khởi, nên gọi là “đương cơ”. Nay căn cứ giải thích chúng. Hai chữ “đương cơ” đều thuộc sở hóa mà phải cơ ứng hợp luận, lý hợp nghĩa kiêm năng sở. Nay lại từ sở dĩ ứng sở hóa. “Xưa gieo trồng...” là trước giải thích chữ “cơ”. “Duyên hợp...” là tiếp giải thích chữ “đương”. Tiếp trong dụ “như ung nhọt” là thí dụ có căn cơ. “Muốn (ung nhọt) vỡ ra”, là thí dụ có thể phát, vì Phật, đại Thánh và chúng phát khởi không mưu tính mà đề xuống. Phiền hoặc từng phần phá thì cơ duyên từng phần thuận thực, trí đức từng phần thành, pháp thân từng phần hiển. “Không khởi...” là hợp, không hợp căn cơ xưa, chỉ hợp hiện tại phát, hiện tại phát liền thành căn cơ hiện tại. Cho nên, không khởi từ nơi một tòa để xuất vô lượng tòa, mà tức thời nghe thâm tóm vô lượng để nói quy về một, đều đăng Sơ trụ, nên gọi là “đắc đạo”. Đây là căn cứ thể quyết định mà luận đương cơ. Thông thâm nhiếp, chính là nhiếp lục căn ngũ phẩm.

Tiếp, “giải thích chúng ảnh hưởng”: Hình tiếng của hóa chủ ắt trợ giúp bạn, do ảnh hưởng mới khiến phát khởi kích động sự theo, như vang theo tiếng bóng theo hình. Cũng có pháp, thí, hợp. Pháp: hai câu đầu nêu ảnh hưởng là Bản, tiếp “Ấn...” nêu năng phụ (giúp) là tích. Sở phụ chỉ một, nên nói “Pháp vương”. Năng phụ: giúp chỉ bày nhân, chỉ tiêm, chỉ thủy, chỉ chung, oai nghi của chúng Thánh. Chỉ nhân, nên Cổ Phật ẩn sự tốt cùng mà hiện tu hành. Chỉ tiêm, nên pháp thân tiềm ẩn Viên mà hiện Thiên, Tiểu, đây đều là phụ giúp đức Thích-ca Pháp vương, phụ giúp chánh vậy. Ích Pháp nói: Tâm ngay thẳng đại độ gọi là giúp, phụ là trợ giúp. Tâm ngay thẳng trợ giúp chủ biết cơ duyên chúng sinh hiện có, nhường công chánh hóa nên nói “ảnh hưởng”. Tiếp, dụ: Như dụng của sao cuối tháng độc chiếu, chỉ kiến lập công phụ mặt trăng, hiển đức sâu kín phụ giúp cho nên nói “tuy không hành tác mà có lợi ích rất lớn”.

Trong Đại luận, hỏi: “Các Tỳ-kheo vì sao thường đi theo Thế Tôn?”. Đáp: Như khỏi bệnh là nhờ theo thuốc, hiển công của thuốc. Đây nêu người thực hành còn có oai nghi ảnh hưởng, hướng chi Pháp thân cổ Phật thị hiện hình trợ hóa. Cho nên biết bốn chúng như bệnh nhẹ được lành, Bát bộ như bệnh nặng được giảm. Nhẹ nặng đều có quyền thật ảnh hưởng.

Tiếp, “giải thích chúng kết duyên”: “Kết” là kết cấu, lập khởi



đầu cho căn cơ; “duyên” tức duyên trợ, năng thành cuối cùng, là làm mầm trước cho đời vị lai tu đắc Tam đức. Không có ba lợi ích trước, cho nên nói “kết duyên”. Tức là ngoài ba chúng trước, trong hội còn có chúng này, cho nên đây một duyên gồm đủ hai nghĩa: là trợ hiện tại, trợ tương lai. Trong đó đối với ba chúng trước biện rõ không có. “Lực không có...”: là chẳng phải chúng phát khởi. “Đức không có...”: là chẳng phải chúng ảnh hưởng. “Mà quá khứ...”: là chẳng phải chúng đương cơ. Phạm là chúng phát khởi thì đều có đủ hai nghĩa: 1. Dẫn dắt đến hội sở. 2. Xin Phật thành tựu căn cơ. Pháp thân Bồ-tát đầy đủ hai dụng này, cho nên nói là “năng”. Mà chúng kết duyên thiếu sót sự thù thắng, thuận lợi kia cho nên nói “lực không có”. “Trấn”: là trấn giữ quý trọng, tức đức bên trong. “Nghiêm”: là trang nghiêm tức uy nghi bên ngoài. Đức trong đã cao, uy nghi bên ngoài ắt nghiêm chỉnh, nghiêm sức hóa sự vinh quang chủ dụng. Kết duyên thì ở nơi kia không có, nên nói “lực không có...” Lại, “trấn” để chấn chỉnh, “nghiêm” để hàng phục. Đã chấn chỉnh đã hàng phục thì hóa đạo có thể thành, cho nên nói “dụng”. Chúng kết duyên này thì tự lợi còn mỏng, đâu có chấn chỉnh hàng phục người khác được, cho nên nói “đức không có”. “Phúc lậu...”: Chữ “Phúc” đọc nhập thanh. Không có Văn tuệ, ví như cái bát đang úp xuống. Thiếu Tư tuệ, ví như cái bát đã bị rỉ. Không có Tu tuệ, ví như cái bát đựng đồ nhơ tạp. Như bát tuy để giữa mà toàn đựng đồ bẩn, cho nên bị người dùng vứt bỏ đi. Cho nên, tổng kết nói “ba tuệ không sinh”. “Hiện đời...”: Hiện đời tuy được nghe mà không gọi là tuệ. Văn tuệ mà còn không, thì Tư tuệ, Tu tuệ làm sao có? Đây tức Thông thì chọn lục căn, ngũ phẩm, Biệt thì dòng người năm ngàn người đứng dậy bỏ đi. Những người đứng dậy bỏ đi, tuy không có ba tuệ, nhưng thâm nạp chủng tử ở tánh, được buộc hạt châu, nên biết cũng không có lợi ích theo Thế giới Tất-đàn trong quán hành vị. Cho nên, nói “không có tứ Tất-đàn lợi ích”. Căn cứ đây phân vị tứ Tất đều đủ, gọi là chúng đương cơ, nên Ngũ phẩm trước đến nay, là nghĩa Thế giới lợi ích. Lục căn trước đến nay, là Vị nhân Đối trị lợi ích. Sơ trụ trở đi là Đệ nhất nghĩa lợi ích. Vì vậy nên văn dưới cuối phẩm Tùy Hỷ còn chưa thành đương cơ Một câu một kệ cũng là chúng kết duyên đó thôi! Nhưng nghe lược thuyết thì có vượt qua một câu, một kệ. Vậy thì không luận nghe nhiều ít, hễ chưa nhập phẩm đều gọi là kết duyên. Cho nên trước năm phẩm thì không có ba tuệ bốn Tất-đàn lợi ích. Không nghe (Văn) nên không có Thế giới, không Tư nên không có Vị nhân, không Tu nên không có Đối trị, không chứng nên không có Đệ nhất nghĩa. Cho nên Đệ nhất nghĩa có thông có biệt, Thông nơi năm

phẩm, Biệt tại Sơ trụ, cho nên nói được độ cũng có thông có biệt, tức là thông biệt Đệ nhất nghĩa. Vậy thì tuy tứ Tất-đàn thì nghĩa thông, mà cuối cùng thành kết duyên vị biệt.

“Chỉ làm...” là chánh chỉ bày tướng của chúng kết duyên. “Tỳ-kheo...” là kết số làm mười sáu chúng. Nếu căn cứ Văn-thù Di-lặc thì chỉ trong chúng Tỳ-kheo. Chúng Ni tuy không có văn thỉnh pháp, văn dưới cũng có tướng thỉnh thọ ký, chỉ có hai chúng thế tục tuy không có chánh văn nhưng căn cứ theo lệ hợp có. Đã đến hội ắt được quyền dẫn dắt, hai chúng đã vậy thì tám bộ cũng như vậy. Nay từ tổng tướng chỉ nói bốn chúng, cho nên biết hẳn nói “bốn chúng: Tỳ-kheo v.v...” thì sở nhiếp chưa cùng khắp. Nói “vô văn”: là không đạt đến thành tựu sâu xa.

Tiếp, “Căn cứ ba giáo...”: Bao gồm luận giáo xưa, ngũ vị truyền dẫn căn cứ trên có thể biết. “Bản tích có thể giải”: Nếu căn cứ thể dụng, thì Bản trú tôn quý cùng cực, hoặc thâm vị pháp thân. Tích là tứ Giáo nhất, mười sáu chúng. “Quán tâm” nêu vị, chọn năm phẩm làm kết duyên. Lại, căn cứ quán hạnh mà nói, cho nên dùng “danh tự Quán hạnh” mà làm kết duyên, để trong chúng đương cơ Sơ trụ liền nhập ảnh hưởng. Nên biết Sơ trụ đầy đủ có hai nghĩa: Hoặc cứ nhập, chỉ danh ảnh hưởng, cho đến nghe kinh siêu nhập hậu vị, ý cũng như vậy. Hoặc mới nhập, được là đương cơ cũng là ảnh hưởng và để phát khởi, tức như người học phát thệ nguyện hồng kinh.

Trong câu “Nhập phần chân vị, tức thành chúng phát khởi chúng ảnh hưởng vân vân”, thì “vân vân” là: phân biệt bốn chúng này làm thành quán hạnh cao thấp không đồng, đến địa vị đây thì có khả năng làm bốn chúng đây. Năm ngàn người đứng dậy bỏ đi còn được kết duyên, thế nên phải biết: không chuyên danh tự Ngũ phẩm, cho nên căn cứ Quán hạnh từ chỗ dung nạp mà giải thích. Ở đầu văn nói “nhiều quanh” có đủ nghĩa tứ Tất-đàn, văn không nêu rõ chỉ dựa theo trên nói. “Tịnh Cư thiên...” tức Thế giới, “hóa làm giống như người” tức Vị nhân, “người lấy đó làm khuôn phép” tức Đối trị, “lẽ rồi nghe pháp” tức Đệ nhất nghĩa. Từ “Tiêu biểu bốn môn” trở xuống, là căn cứ giáo. Nếu chỉ đem đương giáo mà luận chúng, thì tự có Phật trong các giáo. Nay từ “nhiều quanh” Viên cực nghĩa biên, chính là tiêu biểu ba giáo bốn môn cơ động, động nên kiến lý. Vô Lượng Nghĩa thời vẫn là thiên tiểu can dự tiêu biểu đương nghe Viên bốn môn. Nay và xưa hướng về nhau bốn giáo nghĩa đầy đủ, nên chỉ nói theo lệ. Cho nên biết giáo xưa không phải không có bốn môn, đương giáo cơ động. Chỉ vì tiểu độn căn chưa

thông, đến đây mới gọi là “đại cơ động”. Nếu người Bản Viên đến đây mới tăng tiến thì cũng gọi là “động”. Chỉ không Biệt mà Biệt thì được gọi là bốn môn.

“Căn cứ Quán giải”: Tam giáo quán hạnh cũng như hành xoay chuyển, đều thành viên quán cũng như niệm Phật. Lại quán chỉ là niệm, dùng quán để chuyển, cho nên nói “tăng”. “Nếu quán...” là căn cứ quán để luận Bản tích. Nếu căn cứ thể dụng và lâu gần, thì: Bản trú pháp thân phi động phi bất động, Tích thì thị hiện các giáo cơ động nhiều Phật. Giải Thích cúng dường: Cũng tại chúng kia vì nghe Kinh Vô Lượng Nghĩa, thời chúng nhóm tập mà tu cúng dường, cho nên giải thích “Nhĩ thời” không được nói thời chúng tập. Kinh kia nêu bày chúng phạm phu đều cầm phẩm vật cúng dường, có dẫn kinh Hoa Nghiêm có sự cúng dường mây từ mười phương kéo đến, cũng chưa hoàn toàn như vậy. Như “Đại Trang Nghiêm” sở hiến cúng dường, đây theo lệ tự như vậy; như người trong nước an trí và dụng sức làm, nếu vậy thì vì sao đều nói “thiên trụ...” ư? Đáp: Theo sự thù thắng mà nói tán thán nên dùng danh “thiên”. Cho nên biết phẩm vật cúng dường của hai chúng ảnh hưởng và phát khởi ắt sai khác. Chúng đương cơ và kết duyên lại phải liệu giản, địa vị không đồng cho nên phẩm vật cúng dường cũng khác. Các địa vị trên còn chẳng phải là điều mà Nhị thừa biết đến, đâu chỉ thiên cúng dường. “Nghiêm nhiên không giải tán”: nói kinh vừa xong liền nhập định kia, lúc ấy phóng hào quang trời liền mưa hoa, đất sáu diệu chấn động, lúc đó chúng thấy liền sinh niệm nghi ngờ, cho đến vấn đáp. Do đó biến đổi kéo dài “nghiêm nhiên không giải tán”. Đồng tòa lại nói, nên gọi là “vấn”, phải hoàn toàn ý chỉ kia nên nói “không được có khác”, vấn tuy rộng lược sự không có riêng biệt.

Hỏi: Trong ba nghiệp, thì hai nghiệp về sự đã xong, ý nghiệp như thế nào?

Đáp: Nói Chuyên chú là nói thông sự biệt. Nếu do từ đầu đến cuối chuyên chú do đó mà sinh niệm nghi thì ý chưa dứt. Nếu lại dùng thân khẩu tán thán cúng dường, thì một kỳ hạn việc xong, ý đủ hai thứ đây không thể nhất hướng.

**Giải thích:** “Tựa hiện tượng”: Trong đó ba phen trước chỉ bày văn, tiếp phá xưa trong đó trước chỉ bày xưa, tiếp nay... là lược phá, nhưng cũng theo văn kia vẫn phá nghĩa kia, nghĩa tức tiêu biểu báo. Nói “tiêu biểu báo” thì: “thụy” là năng biểu, biểu tức báo. Nói “chưa rõ”: Quang Trạch tuy tức kia đây đồng có sáu, đều nói ba cặp mà hoàn toàn không có sở biểu, cho nên biết: nói “động tĩnh” thì rất cạn, nói “trên dưới” đã

rõ ràng, hưởng chi trong lòng hoan hỷ không chỉ nhìn thấy ánh sáng, vậy nên nay không còn lập xưng kia, hưởng chi độ người quán lý đầu phải không có giáo. Do đó tướng lành dự báo khiến biết đương thiện, cho nên trước chỉ bày điều đặc biệt tể ngộ loài hữu tình, gọi là “biểu báo”. Nhưng chúng đã chưa biết rõ, nên quyết ở Văn-thù, Văn-thù đã biết nhất định khởi, sở thuyết không ra ngoài một nhiều tương tức, từ nhân đến quả cảm ứng đạo giao, cho nên dùng ba cặp mà trước biểu báo. Đã liệt kê giáo đầu tiên, thì giáo phải khác thường, trên dưới... nói sự thì dễ hiểu, đầu cần Văn-thù trừ trừ Di-lặc ân cần? “Ba, Nay nêu rõ...” là ba phần trong Chánh giải thích: 1. Lược nêu giải thích, 2. “Đầy sáu...” biện rõ hai thứ danh đồng khác. 3. “Lược nêu...” dùng điềm lành đối diện. Đầu văn: trong sáu thứ trừ thuyết pháp còn lại năm thứ đồng thời; tuy lại khác đồng mà chung hiển theo một hướng, nhưng trong sáu tuy trước hai sau hai chính là thời chúng, lấy giữa hai làm tiêu biểu, chánh tại nhân quả. Do đó hoa tiêu biểu chân nhân địa, bao gồm phân biệt quả. Lại nói hiển lộ từ nhiều định, chính là mật ý từ nơi chốn, căn cơ Viên giáo đương phát Viên ứng chiếu. Cho nên biết sáu điềm lành đều khác với các kinh không đồng với Quang Trạch. Tiếp, nêu trong phần nêu đồng khác, trước dẫn văn nêu đồng, từ “Nhân tình phân biệt” trở xuống: biện rõ khác, tuy dùng cái khác làm tướng, biểu báo làm điềm lành, mà Khác với tướng lành bản báo diệu lý, theo nghĩa đồng mạnh lại có văn làm chứng, cho nên thuận nhân tình thì chưa gọi là tận lý. “Huyền”: là sắc đen nghĩa đồng ẩn khuất. “Di” tức sâu. “Nói điều đó rất khó...”: chư Phật xuất thế vốn vì Phật thừa, hơn bốn mươi năm giữ trong tâm, Viên âm sắp phưng khởi, lo lắng chúng không tôn trọng. Lại nữa dùng điềm lành mà nâng cao lên khiến mọi người hâm mộ, tín sinh thì nghi đều trừ, hiểu rõ ràng.

“Biểu báo thập diệu”: Nếu căn cứ theo văn trước, thì chỉ ứng biểu báo Tứ nhất mà thôi. Do văn Tứ nhất lược thuận với Quang Trạch. Nếu chuẩn đúng, khiến văn rộng thì vô lượng lược thì chỉ mười, lược tối đa thì chỉ có thể nói biểu nhất thừa. Nay tuy nói lược, nhưng chính là thành ở giữa (trung bình). Lại, “thập diệu”: Kinh này đã dùng diệu báo để giải thích điềm lành (thụ), diệu nghĩa đã mười sáu sở biểu, đạo lý cũng như vậy. Cho nên, cận thì biểu Tích, viễn thì biểu Bản, đầy đủ như Huyền Văn khai hợp. Nếu lại tiêu biểu tích thì cũng như Huyền Văn dẫn kinh nói sáu điềm lành. Nói: “trong Cảm ứng đã nói” tức sợ lầm văn. Huyền Văn liệt bày trong thần thông vi diệu, “nay lại nói” là vì biện rõ sai khác, nên lại nói lần nữa. Nay biên chép đầy đủ Huyền Văn

thần thông vi diệu, đối kinh nay biện rõ riêng biệt, vì mỗi mỗi đều có nguyên do. Huyền Văn nói: “Đất đều nghiêm tịnh” là tiêu biểu Lý diệu, “Giữa mây phóng quang” là tiêu biểu Trí diệu, “nhập Tam-muội” là tiêu biểu Hành diệu, “Trời mưa bốn thứ hoa” là tiêu biểu Vị diệu, “gió hương chiên đàn” là tiêu biểu Thừa diệu, “bốn chúng có nghi” là tiêu biểu Căn cơ diệu, “thấy tám ngàn cõi” là tiêu biểu Ứng diệu, “Cúng dường” tiêu biểu Cảm ứng diệu, “đất động” tiêu biểu Thần thông diệu, “trống trời” là tiêu biểu Thuyết pháp diệu, “chúng hoan hỷ” là tiêu biểu Quyến thuộc diệu, “tu hành” là tiêu biểu Lợi ích diệu. Huyền Văn thì chung thâm gió hương, đất tịnh sáu điềm lành kia đây, cho nên khắp chọn lựa. Nay văn không liệt kê văn nói về cõi khác, cõi đây tự đầy đủ. Phàm các văn được dùng đều có thông biệt, hướng chỉ gió hương, đất tịnh chỉ là khai hợp. Đến dưới giải thích văn lại có liệu giản. Lại, trong các cõi khác. trên Thánh dưới phàm nghĩa đồng cảm ứng, nhân pháp lại cùng thuyết pháp nghĩa đồng, chỉ trong phần từ đầu đến cuối thì cuối đồng ứng dứt, Bồ-tát hành hạnh lại đồng nhân quả, cho nên văn nói về hành hạnh thì rộng, tổng nhiếp Tiệm. Phàm sở biểu ngữ ý đều bao gồm rộng lớn, vì vậy cho nên văn dưới nhiều phen giải thích. Từ xưa đến nay các giải thích đều không có ý như thế. Các điềm lành như ánh sáng v.v... mà lạm dụng nghi ngờ, trả lời không thật, trạng thái như sáng rực rỡ thời chúng đâu khác quỷ thần thần thông ngoại đạo. Cho nên, một nhà giải thích điềm lành ắt có sở biểu. Vậy thì, đại sự đại nhân tác đại cảm động, đại cơ đại ích hiển bày đại lý, phải cần đại quyến thuộc để phụ giúp đại hội, đều cảm đại thời đại vận thành thực. Tự mình chẳng phải ở Linh sơn cùng thọ bửu, thế thì Thế Thân sao có thể khế hợp, sao có thể so sánh! Trong phần “Giải thích điềm lành thuyết pháp” lại phân chia kinh làm bốn: 1. Trình bày thể của pháp thuyết. 2. Liệt kê danh trên thể. 3. Nói rõ sở y của Bồ-tát. 4. Nêu sự hộ trì của Phật. Văn đầu tiên: trước lược dẫn kinh giải thích. Tiếp, “Nay đem...”: dùng thập diệu. “Sớ kinh...” là Lại đem năm trong thập diệu thuộc Tích môn đến. Chữ Sớ: có âm đọc là phiên thiết của hai chữ Sắc và Dụ, có nghĩa là trang nghiêm trang sức, đã dẫn kinh kia để trang sức đây khiến thành nay vi diệu. Do thiện giới kia chỉ từ tự hành nhân quả cho nên không có năm thứ còn lại, pháp đại cảnh. Thông là giáo pháp, Biệt dùng bộ Tì-Phật-lược trong mười hai bộ, là Phương Đẳng lý tâm giải trí, tịnh nghiêm hành. Tịnh nên đầy đủ bảy tức thủy chung hành, là thời vị, cũng là thủy chung vị, đầy đủ ba pháp vi diệu này. Do vì có nhân, quả sao lại không có chỗ? Cho nên chỉ có năm thứ trước ắt bao gồm năm thứ sau, hướng

lại chỉ đo nhân quả danh đồng, nghĩa lý còn biệt, gồm riêng khai..., tư duy có thể biết... Huống chi tam kỳ nghĩa liên quan đến Tam tạng, số có đại Tiểu cho nên khiến như vậy.

Hỏi: Dùng thập diệu để giải thích kinh, chính là thành thô diệu không thể biệt?

Đáp: Từ một phía danh đồng thì có thể đối thập diệu. Nếu từ Tựa tiêu biểu thật, thì như đã hỏi, cho nên phải biệt giải thích để đối với văn Tựa. Tiếp, liệt kê danh trên thể, trước đã phá ý kiến xưa. Thiệp Pháp sư nói: Luận về chọn các tên của kinh, thì có mười bảy, Từ Ân rộng giải thích chính là quá phần. Nay trước phá quan điểm của hai Pháp sư Sinh và Quán, trong đó trước là thuật lập luận kia. Tiếp, “Nếu vậy...” là nay văn nạn vấn: Bát-nhã và Tịnh Danh vô tướng không phải Tựa, đâu được dùng vô lượng vô tướng làm tựa? Tiếp, ý bào chữa: Năm thời tương sinh thứ lớp sai biệt, tuy đều vô tướng trước sau có sai khác, sau hai kinh mới Vô Lượng Nghĩa, sau vô lượng nghĩa mới Pháp Hoa, nên chỉ vô lượng làm tựa Pháp Hoa, hai thứ còn lại vì xa nên nghĩa Tựa không thành. Từ “Nếu vậy” trở xuống: lại nạn vấn, bắt đầu từ sau Hoa Nghiêm về sau giáo khởi cho đến Pháp Hoa. Đây là cách thông thường, sau khi kinh trước sinh thì mới thành thứ lớp, lần lượt làm tựa cho nhau nghĩa biệt không thành. Nếu các kinh không như vậy, thì đâu riêng Vô Lượng Nghĩa làm biệt Tựa của Pháp Hoa? Tiếp, Cơ sư lập luận không khác hai sư Sinh và Quán, phá thì như trước đã nói. Tiếp đến là Ấn sư, Ấn sư thọ nơi Long sư, Long sư thọ nơi Viễn sư, sở chấp đã đồng phá lập cũng đồng. Nói “Vô tướng thiện có nghĩa thành Phật”, ý nói: mười hai năm trước là hữu tướng giáo chẳng phải nhân thành Phật, chỉ vô tướng thiện có nghĩa thành Phật, ý nói: đến trong Pháp Hoa, hết thấy đều thành Phật đạo. Cái gọi là “nghĩa”: là có thể thành. Cho nên dùng nghĩa thành Phật làm tựa của kinh Nhất thừa. “Lại nói...”: nếu vậy, Phương Đẳng Bát-nhã cũng nêu vô tướng, thì cũng nên dùng Phương Đẳng Bát-nhã làm Tựa của Pháp Hoa? Ấn sư ngăn chặn và hàng phục vấn nạn này, cho nên lại thuật Vô Lượng Nghĩa cùng Đại Phẩm đối biện. Vô tướng trong Đại Phẩm còn nói có ba không ba, vô tướng trong kinh Vô Lượng Nghĩa không nói có ba không ba. Cho nên Đại Phẩm vô tướng không phải là kinh Vô Lượng Nghĩa được nói đến trong Pháp Hoa, vì kinh Vô Lượng Nghĩa chưa phiên dịch. Đây có ba lỗi: 1. Lầm giải vô lượng nghĩa nói: không thuyết có ba không ba. 2. Lỗi Vô Lượng Nghĩa chưa dịch. 3. Lỗi vọng phá cổ Sư lấy Đại Phẩm làm Vô Lượng Nghĩa. Nhưng lỗi đầu: Vô lượng nghĩa kia đã nói hai, ba từ vô tướng xuất, sao



gọi là khác nhau giữa có nói và không nói có không? Tiếp, “Nay nói...” là văn nay phá: chỉ phá lỗi thứ hai, còn lại hai có thể biết. Cho nên trình bày đầy đủ kinh đến niên đại phiên dịch, chú thích Tựa kinh Vô Lượng Nghĩa rằng: Kinh Vô Lượng Nghĩa đây tuy đầu Pháp Hoa biên chép danh mục kia mà giữa hạ chưa thấy, thường đến giảng bài, chưa từng không phớt bỏ luận bàn mà tán thán. Chợt có Tỳ-kheo Tuệ Biểu ở núi Võ Đang từ Ngụy đế Diêu Tần Lược từ tử (con). Lược là Trưởng tử, nhân vì quân Tấn đâu có được lạng yên. Dưỡng là giả tử, liền bỏ đi xuất gia cần khổ cầu đạo, đều ở Kiến Nguyên ba năm, đến chùa Triều Đình ở Quảng Châu gặp Đàm-ma-gia-đà-da-xá, muốn truyền kinh này, Biểu bèn đến thỉnh chỉ được một bản. Vẫn trở lại Vũ Dương, đến niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ ba ngày mười tám tháng chín mới lưu truyền ở đời. “Kinh đã đến như thế”, thật đáng cười ngài Ấn sư nói Vô Lượng Nghĩa chưa dịch!

Tiếp, “Đả phá ý của Quang Trạch”: cũng trước dựa vào ý của kia lập tức là: do Vạn Thiện Đồng Qui cùng Pháp Hoa vẫn có hai cái khác nhau. 1. Đồng qui chẳng phải không hai không ba. 2. Đồng qui chẳng phá ba cùng một. Tuy có hai cái khác do Đồng Qui nên có thể thành hai thứ đây, cho nên dùng Vạn Thiện Đồng Qui làm tựa cho nghĩa không hai, không ba v.v... “Nếu nói...” là trước phá câu đầu. Hỏi: Vạn Thiện Đồng Quy trong Vô Lượng Nghĩa, đâu khác Pháp Hoa nói không có hai, ba? Hai chỗ nếu đồng phá thì đều phá, qui thì đều qui. “Hai, ba...”: là kết nạn vấn. Tiếp, “Nếu nói...”: là phá câu kế tiếp, trước thì nêu Vô Lượng Nghĩa kia nạn vấn Pháp Hoa, nay thì nêu Pháp Hoa kia nạn vấn nơi Vô Lượng Nghĩa. Ý nạn vấn: là trước phá lời còn lược, phá ba chính là phá hai phá ba, cho nên nay nói “phá hai phá ba”, chỉ thêm cho một khác ở câu trên, cho nên trước muốn phá dùng nạn vấn đồng qui, nên nói “Vì sao không phá Vạn?”. Tiếp, “Phá hai...”: song nêu hai nạn, đầu nạn chỉ có Chánh không có Tựa. Phá tức là không có, nên phá hai, ba, là không có hai, ba. Trong văn, lời đã lược. Cũng lại nên nói: Nếu phá hai, ba thì tức là phá vạn, tức kia phá vạn, vậy thì không có Tựa. Nếu lấy cú đầu gờ tay làm vạn thiện, thì hai, ba còn không có, vạn thiện làm sao có? Nếu kia đều không có Tựa, thì nghĩa sao tồn tại? Tiếp, “Thủ kinh...” tức ví phỏng nạn. Nếu nói hai kinh đều qui đều phá, thì chỉ vì kinh này nêu phá, kinh kia nêu qui. Nay cũng phá nói không thành sai khác. Đã nói xen lẫn nêu qui ắt có phá, phá ắt có qui, xen lẫn nêu một bên đâu được gọi là khác? Tiếp, “Ý khác...”: kết nạn. Phạm nói Tựa, thì phải khác Chánh tông, sai khác lại tiêu biểu đồng thì mới có thể gọi là



Tựa. Khác và đồng đã lẫn lộn, thì nghĩa Tựa như thế nào? “Lưu Cầu...”: là phá chú gia, cũng trước y sở lập kia. Tiếp, “Nếu bao hàm...” là phá kia không lượng tính, cùng vô tướng kia tự nói trái nhau, cho nên đem điều không lượng tính kia nạn vấn vô tướng kia. “Dựa vào các sư...”: là tổng xem xét phá: Trước là tổng phá. Tiếp, “Nếu nói...” là bỏ chọn, phá Tựa không thành là bỏ, phân biệt thuộc phương tiện là chọn. Đầu tiên phê phán Ấn sư, trước đối với vô tướng kia, hướng lập hữu tướng phán định nhập Tam tạng! Tiếp, “Nếu nói vô tướng...” là chính phê phán Ấn sư. Tiếp, “Nếu nói...” là phá chú gia (nhà giải thích). Hai thứ đây đã vậy, còn lại theo lệ có thể biết. Cho nên điều mà các nhà giải thích nói thì không ngoài ba giáo, nên chỉ quyền giáo thông gọi là tha. Tiếp, “Nếu Pháp Hoa luận...”: nay vẫn giải thích luận. Đã nói Pháp Hoa là tên khác của Vô Lượng Nghĩa, cho nên biết: Vô Lượng Nghĩa cũng là tên khác của Pháp Hoa, thì trong Tựa lập danh đối với lý không có lỗi, trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa để làm Tựa của Pháp Hoa xong. Lại dựa theo ý luận, tức là trước nói tên khác của Pháp Hoa, trở lại nhập điều định Pháp Hoa. Nếu vậy, thì trước đã nói xong, nay cần gì nói lại? Đáp: Trước đã nói kinh rõ ràng thành Tựa, lập lại danh nghĩa kia bao gồm Chánh tông cho nên khiến luận dẫn đây là tên khác, danh nghĩa cả hai gồm Tựa và Chánh tông cả hai đều được.

Tiếp “Đại Phẩm...”: dẫn chứng trong Tựa lập danh không lỗi. Cho nên kinh Đại Phẩm phẩm Tựa nói: “Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nay đây đã hiện tại vì các Bồ-tát mà nói kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa”. Kinh Kim Quang Minh phẩm Tựa nói: “Kim Quang Minh là vua của các kinh”. Kinh Niết-bàn, phẩm Thuần-đà tự trình bày rằng: “Con nay có trí tuệ nông cạn đâu có thể tư duy nghĩa Như Lai Niết-bàn”. Kinh xưa, văn đây vốn thuộc phẩm Tựa, Tựa công sửa lại quyết định mới thêm tên phẩm Thuần-đà, Ai Thán. “Lại nói...”: lập lại dẫn, khác danh đồng danh đều trong tựa xướng. “Nay xét...”: là dựa kinh lập lại giải thích tên Vô Lượng Nghĩa, để chứng thành tựa, trước liệt kinh văn để biện rõ ý này. Tiếp “Lại nữa...” là dùng Vô Lượng Nghĩa đối Phổ Hiền Quán để phá cựu sư. Văn đầu tiên, trước nêu năng sinh, tiếp “Cái gọi là...”: là nêu sở sinh. “Nay giải thích...”: trong giải thích có Pháp, Thí, Hợp. Điều giải thích Vô tướng trên.

Hỏi: Trong kinh cũng dùng Vô tướng để giải thích, thế thì cùng các sư khác đâu có gì sai khác mà phải khổ công phá họ?

Đáp: Không đồng các sư khác, vì xưa dùng sở sinh vô lượng làm vô tướng. Kinh thì dùng năng sinh nhất thật làm vô tướng, từ thật sinh

các các gọi là vô lượng, vô lượng là tướng, sao gọi là Vô tướng? Cho nên, kinh nói: “Nói vô lượng ấy, là từ một pháp sinh”. Thế nên không đồng với xưa nói sở sinh vô tướng.

**Chú thích:** chỉ nói bao hàm pháp không lường, chỉ đặc sở sinh mất năng sinh. Kinh từ năng sinh đối sở dùng làm đề mục. Các người, Sư đem năng làm sở để giải thích đề mục. Cho nên nói: “Từ thật tướng này sinh vô lượng pháp”, nên nay lại giải thích năng sinh. Cho nên, biết: năng sinh trung đạo thật tướng và thật tướng mà kinh này nói, thì không sai khác. “Hai pháp tức là” trở xuống, là lại giải thích sở sinh vô lượng. Tuy nói nghĩa sở sinh bao gồm năng, mà theo nhiều đặt tên sở. “Đốn, nghĩa là...”: tức trong bộ đốn có đủ tiệm đốn năng sinh sở sinh, cũng chỉ sở sinh nên nói tất cả pháp trong đốn. “Tiệm, nghĩa là...”: tiếp nêu Tam-muội, trong Tam-muội đây cũng có năng sở, căn cứ theo đốn có thể biết...

“Tam đạo...”: Trong đây ba, bốn cũng đầy đủ năng sở, Viên Bồ-tát và Phật dùng làm năng sinh, ba Bồ-tát hai Nhị thừa lấy làm sở sinh, cho nên ba, bốn nhiếp pháp cũng khắp, theo lệ như tiệm đốn cũng đầy đủ năng sở, vậy thì lý nhất thực đều từ các giáo lưu xuất, trong kinh Vô Lượng Nghĩa thuật ý kia. Cho nên trong tam thừa thì nhị thừa bao hàm bốn, Bồ-tát gồm ba. Nếu tạo ba, bốn nghĩa thì thông bốn giáo như trước sở đối, nếu tạo ba, bốn đều là sở sinh thì Bồ-tát và Phật chỉ tại ba giáo, từ giáo phán quyền. Huyền Văn lại dùng bốn đức Phật làm bốn quả, thì Viên Phật là một mà sinh ba quyền. Năng sở tương đối, nên nói bốn đức Phật, vậy thì Bồ-tát danh thông đối nghĩa không lỗi. Cho nên đối độc nhất mà sinh kiêm nhất, tư duy có thể thấy. “Các pháp như thế...”: lại kết sở sinh để chỉ bày năng sinh, năng sinh biệt danh của Nghĩa Xứ Pháp Hoa, sở sinh vô lượng làm Tựa của Pháp Hoa, cho nên một danh trong Tựa nghĩa kiêm hai hướng. Nhưng nên biết từ một để xuất vô lượng, tuy nêu năng xuất mà thông đều thuộc tựa. Nếu vô lượng nhập một thì tuy liên quan sở sinh mà thông đều thuộc Chánh, cho nên nghĩa xứ một pháp cũng thành hai hướng, Nghĩa-xứ xuất sinh thì thuộc Tựa, Nghĩa-xứ thâm hội thì thuộc Chánh, tức từ một nghĩa xứ trở xuống hai câu văn là hai ý kia. Cho nên Phật nhập Nghĩa-xứ, nghĩa kiêm hai cách. “Thí dụ, Tựa như...”: từ một xuất nhiều, Chánh như trừ từ nhiều qui một. Cho nên biết giáo xưa thuyết pháp theo căn cơ làm lợi ích chúng sinh, như dùng tiền mua vật, mà đều chưa biết đại số kia. “Từ một...” là hợp dụ. “Như đây...” là kết năng sở trước để thành hai giải; năng sinh không trái luận, sở sinh không trái kinh, chỉ y hai giải thì lý kinh luận tồn tại.

Hiểu giải thích đã vậy, được ý thì sao? Tức sở sinh là năng sinh thì mới là tên khác, nhà năng sinh là sở sinh, đây mới thành Tựa. Nếu chuyên thì năng đâu khác Sinh sư... và một Viên xưa, nếu chuyên luận nghĩa sở sinh thì đâu khác các nhà chú thích và ba giáo xưa, vì vậy thấy đều tồn tại như cũ thành hai lỗi. Cho nên, các kinh gia nay năng sở phụ thuộc nhau, hai nghĩa đều lập. Nếu chuyên Tựa, thì Pháp Hoa về trước chẳng những chưa luận “hội nhiều qui một”, cũng chưa từng nói “từ một xuất nhiều”, cho nên Vô Lượng Nghĩa chỉ có ở Tựa kinh này.

“Lại nữa...” là dùng hai văn trước sau đối phá xưa. Đây chẳng phải chánh phá, mà các sư Quang Trạch v.v... nói trong những văn khác: Kinh Pháp Hoa không nêu rõ thường trú, nay nhân nêu Vô Lượng Nghĩa Tựa khác, tiện cứu kinh Pháp Hoa Chánh thường. Kinh Vô Lượng Nghĩa ở trước Pháp Hoa, kinh Phổ Hiền Quán ở sau Pháp Hoa. Tựa, kết đều thường đứng, đâu có gì khác, vì sao lại nói thần thông diên thọ là vô thường? Cho nên dẫn kệ kinh kia nói: “Như Lai thanh tịnh diệu pháp thân...”, đâu chẳng thường ư? Nói “bách phi”: kệ kia nêu ba mươi bốn phi lấy làm khuôn mẫu, các phi căn cứ theo lệ có thể biết. Đây nêu rõ tánh pháp thân lìa các phi, cho nên tổng nêu bách (một trăm) phi. Nói “tuyệt tứ ly bách” cũng thông sâu cạn, mỗi mỗi so sánh, nay ứng theo kinh Thâm Quán nói bốn Ba-la-mật. Kinh nói: Đức Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ-lô-giá-na, Biến nhất thiết xứ, trú xứ của đức Phật ấy tên Thường Tịch Quang. “Thường Ba-la-mật” sở nhiếp thành xứ, “Ngã Ba-la-mật” sở an lập xứ, “Tịnh Ba-la-mật” diệt hữu tướng xứ, “Lạc Ba-la-mật” bất trú thân tâm tướng xứ. Đã dùng bốn thứ này thành thân thành cõi, vậy trước lý hợp thân thường cõi thường, cho nên Đại sư xét kỹ tổng quát năm thời thủy đều có kết đầy đủ như Huyền Văn. “Các vấn nạn khác...” các ý kiến khác vấn nạn nay, trong Tựa năng sinh đã nêu thường trụ thì Tựa đã là Chánh, Chánh cần gì nói? Nay lại chất vấn rằng: Tựa và Chánh đều thường, về lý thì đâu có lỗi? Lại liệt nêu các người khác lạm dụng dẫn nói: “Ví như trong kinh Tịnh Danh Tựa nói thường, Chánh không nêu thường tức là vô thường, cho nên đem Pháp Hoa theo lệ như kinh kia, lẽ ra kinh Pháp Hoa Tựa thường thì Chánh nên vô thường”. Nơi khác nói kinh Tịnh Danh Tựa thường Chánh vô thường. Là kinh Tịnh Danh ở phẩm Đệ Tử quả trách A-nan rằng: “Thế Kim-cang đang có bệnh tật gì?” cho đến “thân Phật vô vi không số bị chi phối bởi các quy luật”. Người xưa cho rằng phẩm Đệ Tử và phẩm Bồ-tát đều thuộc Tựa. Lại chấp Thông tựa tán thán đức Bồ-tát, tin sâu kiên cố cũng như Kim-cang, nay cũng hỏi ngược lại: Nếu

dùng Pháp Hoa sánh với Tịnh Danh, thì cũng nên dùng kinh Niết-bàn theo lệ như kinh Tịnh-danh, thế thì kinh Niết-bàn Tựa thường Chánh vô thường. Cho nên biết chỉ có thể dùng kinh Tịnh-danh chiếu theo lệ kinh Niết-bàn, Tựa Chánh đều thường. Ông tự không hiểu tông thể của Tịnh Danh, nghĩa là Chánh vô thường mà làm ước lệ. Nên biết Tịnh Danh thì cũng Tựa thành Chánh đều thường, nên trong phẩm Vấn Tật nêu Đệ nhất nghĩa không, Không tức thường, phẩm Bất Nhị Pháp Môn chánh nêu Trung đạo thường, phẩm Bất Tư Nghì nêu dụng của thường, phẩm Quán Chúng Sinh và phẩm Phật Đạo thì dùng Không và Giả để hiển bày Trung, phẩm Hương Tích Phật nói rõ thể của cơm thơm là thường, phẩm Bồ-tát Hạnh trở đi thì chủ ý nêu thường. Cho nên, biết Chánh tông từ đầu đến cuối đều thường. “Nay luận...” là kết nạn vấn. Nếu như vậy, thì các bộ đầu có gì sai biệt? Đáp: Nói Tựa và Chánh đều thường, từ lý cùng cực mà nói, nếu phải biện rõ sai khác năm thời tự phân, đầy đủ như Huyền Văn quyển một nói. Nếu vậy thì Tựa và Chánh có gì sai khác? Đáp: Mỗi phần đều có cái tinh tế riêng của nó. Lại luận trong Tựa kinh đây tuy thường nhưng chưa nêu hội sở, trong Chánh phải do hội sở thì mới thường, ngoài thường ra không có Tựa Chánh khác mà lại biệt. Các kinh khác theo lệ đều có cái tinh tế của kinh đó.

